

UỶ BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 67 /TTr-UBND

Thanh Hóa, ngày 12 tháng 6 năm 2017

## TỜ TRÌNH

Về việc ban hành quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Kính gửi: Hội đồng Nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24/6/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Công văn số 188/CV-HĐND ngày 27/3/2017 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành tiêu chí, định mức phân bổ vốn trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Để có căn cứ phân bổ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2016-2020, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020, gồm những nội dung sau:

### I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG VÀ NGUYÊN TẮC PHÂN BỐ

#### 1. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành và các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch và sử dụng nguồn ngân sách nhà nước, vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (gọi tắt là Chương trình giảm nghèo).

## **2. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

## **3. Nguyên tắc phân bổ**

- Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình giảm nghèo phải tuân thủ các quy định của Luật đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan phù hợp với các tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư, kinh phí sự nghiệp Chương trình giảm nghèo.

- Đối với dự án thành phần Trung ương đã quy định nội dung, định mức, kinh phí cụ thể và cơ quan chủ trì, thực hiện theo định mức của Trung ương, thì không áp dụng tiêu chí.

- Bảo đảm tương quan hợp lý giữa các huyện, thị xã, thành phố với việc ưu tiên hỗ trợ các vùng biên giới, vùng dân tộc thiểu số và các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng.

- Bảo đảm sử dụng có hiệu quả nguồn vốn của ngân sách nhà nước, tạo điều kiện để thu hút tối đa các nguồn vốn khác thực hiện Chương trình giảm nghèo; bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn thực hiện Chương trình, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

## **II. QUY ĐỊNH TIÊU CHÍ VÀ CĂN CỨ XÁC ĐỊNH**

**1. Chương trình 30a.** Có 5 tiêu chí, trong đó 4 tiêu chí như Trung ương quy định và 01 tiêu chí đề nghị bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh (tiêu chí: số xã thụ hưởng dự án áp dụng cho tiểu dự án 4).

- Tiêu chí dân số và dân tộc thiểu số;
- Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo;
- Tiêu chí diện tích đất tự nhiên;
- Tiêu chí về đơn vị hành chính và các xã biên giới;
- Tiêu chí số xã thụ hưởng dự án (áp dụng cho Tiểu dự án 4).

**2. Tiêu chí chương trình 135** (có 3 tiêu chí, bỏ tiêu chí tỷ lệ giải ngân theo Trung ương).

- Tiêu chí về xã (xã thuộc khu vực III, II,I, xã biên giới, xã an toàn khu);
- Tiêu chí về thôn, bản đặc biệt khó khăn;
- Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo.

**3. Tiêu chí cho các Dự án 3, Dự án 4, Dự án 5**

- Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo;
- Tiêu chí quy mô hộ nghèo;
- Tiêu chí số xã thụ hưởng dự án.

#### 4. Nội dung hỗ trợ

Nội dung hỗ trợ cho từng dự án thực hiện theo quy định tại Quyết định 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

#### 5. Căn cứ để xác định tiêu chí

- Tiêu chí Dân số và dân tộc thiểu số, Tiêu chí Tỷ lệ hộ nghèo, Quy mô hộ nghèo để tính hệ số được xác định căn cứ vào kết quả Tổng điều tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tiêu chí Diện tích đất tự nhiên của huyện để tính toán điểm được xác định theo số liệu diện tích đất tự nhiên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo công bố của Cục Thống kê tỉnh.

- Tiêu chí đơn vị hành chính: Đơn vị hành chính để tính toán điểm được xác định theo số liệu đơn vị hành chính cấp xã tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo công bố của Cục Thống kê tỉnh.

- Tiêu chí về địa bàn thực hiện của các dự án:

+ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giải đoạn 2016 - 2020;

+ 07 huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ

+ Các thôn, xã đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020 tại Quyết định 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 04 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020.

### III. QUY ĐỊNH CỤ THỂ ĐỐI VỚI TỪNG DỰ ÁN THÀNH PHẦN

Căn cứ tiêu chí khung của Trung ương quy định đối với toàn quốc tại Quyết định 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 để áp tiêu chí cho các địa phương. Đối với các Dự án 2, Dự án 3, Dự án 4, Dự án 5 có tính toán lại hệ số điểm phù hợp với thực tế địa phương.

#### 1. Dự án 1: Chương trình 30a

##### 1.1. Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo 30a.

a) Phạm vi và đối tượng hỗ trợ: Các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP.

b) Các tiêu chí cụ thể

- Tiêu chí 1: Dân số và dân tộc thiểu số

Tiêu chí	Điểm
<b>1. Dân số</b>	
- Huyện có quy mô dân số dưới 5.000 hộ:	0,15
- Huyện có quy mô dân số từ 5.000 hộ đến dưới 10.000 hộ:	0,17
- Huyện có quy mô dân số từ 10.000 hộ trở lên:	0,20

<b>2. Dân tộc thiểu số</b>	
- Huyện có quy mô hộ dân tộc thiểu số dưới 5.000 hộ:	0,15
- Huyện có quy mô hộ dân tộc thiểu số từ 5.000 hộ đến dưới 10.000 hộ:	0,17
- Huyện có quy mô hộ dân tộc thiểu số từ 10.000 hộ trở lên:	0,20
- Tiêu chí 2: Tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo	

Tiêu chí	Điểm
<b>1. Tỷ lệ hộ nghèo</b>	
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo dưới 45%:	0,20
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 45% đến dưới 60%:	0,22
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 60% trở lên:	0,24
<b>2. Quy mô hộ nghèo</b>	
- Huyện có quy mô hộ nghèo dưới 4.000 hộ:	0,20
- Huyện có quy mô hộ nghèo từ 4.000 hộ đến dưới 6.000 hộ:	0,22
- Huyện có quy mô hộ nghèo từ 6.000 hộ trở lên:	0,24
- Tiêu chí 3: Diện tích đất tự nhiên	

Tiêu chí	Điểm
1. Huyện có tổng diện tích tự nhiên dưới 50.000 ha:	0,10
2. Huyện có tổng diện tích tự nhiên từ 50.000 ha đến dưới 100.000 ha:	0,12
3. Huyện có tổng diện tích tự nhiên từ 100.000 ha trở lên:	0,14
- Tiêu chí 4: Đơn vị hành chính và huyện có xã biên giới	

Tiêu chí	Điểm
<b>1. Đơn vị hành chính</b>	
- Huyện có số xã dưới 10 xã:	0,10
- Huyện có số xã từ 10 đến dưới 20 xã:	0,12
- Huyện có số xã từ 20 xã trở lên:	0,14
<b>2. Huyện có xã biên giới</b>	
- Huyện có số xã biên giới dưới 5 xã:	0,10
- Huyện có số xã biên giới từ 5 xã đến dưới 10 xã:	0,12
- Huyện có số xã biên giới từ 10 xã trở lên:	0,14

c) Định mức phân bổ

- Vốn đầu tư phát triển:

Tổng vốn đầu tư cho một huyện nghèo theo Nghị quyết 30a = A x X

Trong đó:

A: Định mức vốn bình quân cho một điểm (Bảng tổng vốn giao chia cho tổng số điểm hệ số của toàn tỉnh).

X: Tổng điểm theo 04 nhóm tiêu chí của huyện (điểm theo dân số + điểm theo dân tộc thiểu số + điểm theo tỷ lệ hộ nghèo + điểm theo quy mô hộ nghèo + điểm theo diện tích đất tự nhiên + điểm theo số đơn vị hành chính + điểm theo số xã biên giới).

- Vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng của từng huyện: bằng 6,3% vốn đầu tư phát triển.

**1.2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.**

a) Phạm vi và đối tượng hỗ trợ: Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016 - 2020.

b) Các tiêu chí cụ thể: Thuộc danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016 - 2020.

c) Định mức phân bổ

- Vốn đầu tư: 1.000 triệu đồng/xã/năm. Trong quá trình thực hiện, khi trung ương thông báo điều chỉnh tăng định mức phân bổ vốn đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, UBND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh đề điều chỉnh tăng định mức trên theo quy định của trung ương.

- Vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng của từng huyện: bằng 6,3% vốn đầu tư phát triển.

**1.3. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo 30a, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.**

a) Phạm vi hỗ trợ

+ Các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP;

+ Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016 - 2020;

b) Đối tượng hỗ trợ

+ Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số và phụ nữ thuộc hộ nghèo;

+ Nhóm hộ, cộng đồng dân cư trên địa bàn;

+ Tổ chức và cá nhân có liên quan;

+ Tạo điều kiện để người lao động là đối tượng sau cai nghiện ma túy, đối tượng nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ bị buôn bán trở về...thuộc hộ nghèo được tham gia dự án.

c) Tiêu chí và định mức phân bổ

(1) Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo 30a.

- Tiêu chí: Thực hiện theo các tiêu chí được quy định tại Dự án 1. Chương trình 30a nêu trên.

- Định mức:

Vốn sự nghiệp cho phát triển sản xuất cho một huyện nghèo theo Nghị quyết 30a = A x X.

A: Định mức bình quân cho 01 huyện được tính bằng tổng kinh phí cho phát triển sản xuất trừ đi kinh phí thực hiện các nội dung do cấp tỉnh thực hiện (nhân rộng mô hình và các chương trình, dự án) chia cho tổng hệ số của các huyện nghèo 30a.

X: Tổng hệ số theo 04 nhóm chỉ tiêu của huyện (điểm theo dân số + điểm theo dân tộc thiểu số + điểm theo tỷ lệ hộ nghèo và điểm theo quy mô hộ nghèo + điểm theo diện tích đất tự nhiên + điểm theo số đơn vị hành chính và điểm theo số xã biên giới).

(2) Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

- Tiêu chí: Là xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020.

- Định mức: 300 triệu đồng/xã/năm.

(3) Nhân rộng mô hình giảm nghèo.

Căn cứ nguồn kinh phí Trung ương phân bổ hàng năm, căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của địa phương, UBND tỉnh phê duyệt danh mục các mô hình được hỗ trợ cụ thể cho từng địa bàn huyện nghèo 30a và xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

**1.4. Tiểu dự án 4: Hỗ trợ lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.**

a) Phạm vi hỗ trợ

+ Các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP;

+ Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016 - 2020;

b) Đối tượng hỗ trợ

Lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số, lao động cư trú dài hạn trên địa bàn các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; ưu tiên đối tượng lao động là thanh niên chưa có việc làm, đặc biệt là thanh niên thuộc hộ dân tộc thiểu số nghèo, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

c) Tiêu chí và định mức phân bổ:

- Cấp tỉnh: Phân bổ 50% tổng kinh phí để thực hiện nhiệm vụ, hoạt động của dự án năm 2017 của cấp tỉnh. Cơ quan chủ trì dự án và các cơ quan liên quan xây dựng cụ thể nội dung, nhiệm vụ cần thực hiện của cấp tỉnh trong Chương trình năm 2017 trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Cấp huyện: Phân bổ 50% tổng kinh phí được phân bổ theo tiêu chí sau:

+ Tiêu chí phân bổ

Tiêu chí	Điểm
<b>1. Tỷ lệ hộ nghèo</b>	
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo dưới 10%:	0,50
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 10% đến dưới 25%:	0,55
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 25% trở lên:	0,60
<b>2. Quy mô hộ nghèo</b>	
- Huyện có quy mô hộ nghèo dưới 4.000:	0,50
- Huyện có quy mô hộ nghèo từ 4.000 hộ đến dưới 6.000 hộ:	0,60
- Huyện có quy mô hộ nghèo từ 6.000 hộ trở lên:	0,70
<b>3. Số xã thụ hưởng dự án</b>	
- Mỗi xã được thụ hưởng chính sách	0,30

+ Định mức phân bổ

Tổng vốn bố trí cho 01 huyện = A x X.

Trong đó:

+ A: Định mức bình quân cho 01 huyện (bằng kinh phí cấp huyện thực hiện chia cho tổng hệ số của các huyện thuộc dự án).

+ X: Tổng các hệ số 03 tiêu chí (tỷ lệ hộ nghèo + quy mô hộ nghèo + số xã thụ hưởng chính sách)

**2. Dự án 2: Chương trình 135**

**2.1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, các thôn, bản đặc biệt khó khăn.**

a) Đối với các thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc (các xã khu vực I, II) áp dụng định mức 200 triệu đồng/thôn, bản/năm, đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 101/2009/QĐ-TTg ngày 05/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Đối với các xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực III):

- Các tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí	Điểm
<b>1. Tiêu chí về thôn, bản đặc biệt khó khăn (H1):</b>	
- Xã có 8 thôn, bản đặc biệt khó khăn trở xuống:	5
- Xã có 9 thôn, bản đặc biệt khó khăn:	6
- Xã có từ 10 thôn, bản đặc biệt khó khăn trở lên:	7
<i>Xã khu vực III, xã biên giới theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã ĐBKK, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135; Thôn, bản đặc biệt khó khăn theo các Quyết định của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn bản đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm.</i>	
<b>2. Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo các xã đặc biệt khó khăn (H2):</b>	
- Thấp hơn tỷ lệ chung của cả tỉnh:	0
- Từ 01 lần đến 1,5 lần so với tỷ lệ chung của cả tỉnh:	0,02
- Từ 1,5 lần đến 2,0 lần so với tỷ lệ chung của cả tỉnh:	0,03

- Từ 2,0 lần đến 2,5 lần so với tỷ lệ chung của cả tỉnh:	0,04
- Cao hơn 2,5 lần mức tỷ lệ chung của cả tỉnh:	0,05
<i>Tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK để tính toán hệ số được xác định căn cứ vào quyết định của UBND tỉnh phê duyệt về số liệu điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020.</i>	
<b>3. Tiêu chí về tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số (H3)</b>	
- Dưới 70%:	0,03
- Từ 70% - 90%:	0,04
- Trên 90%:	0,05

- Xác định vốn phân bổ:  $X = (M/N) \times Y$

Trong đó:

+ X: Xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực III).

+ Y: là tổng hệ số các nội dung:  $Y = H1 \times (1 + H2 + H3)$ .

+ N: là tổng hệ số các hệ số xã KV III toàn tỉnh cộng lại.

+ M: là tổng vốn đầu tư phát triển.

c) Đối với kinh phí sự nghiệp duy tu bảo dưỡng của từng huyện: bằng 6,3% vốn đầu tư phát triển của huyện đó.

## **2.2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, các thôn, bản đặc biệt khó khăn**

a) Thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc các xã khu vực I, II áp dụng định mức 50 triệu đồng/thôn, bản/năm, đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 101/2009/QĐ-TTg ngày 05/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực III):

Áp dụng như các tiêu chí và định mức phân bổ vốn đối với xã đặc biệt khó khăn thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 2 - Chương trình 135 nêu trên.

Tổng vốn hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế (M) được tính Bằng tổng kinh phí cho phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế trừ đi kinh phí thực hiện các nội dung nhân rộng mô hình và các chương trình, dự án do cơ quan cấp tỉnh thực hiện.

c) Nhân rộng mô hình giảm nghèo

Căn cứ nguồn kinh phí Trung ương phân bổ hàng năm, căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của địa phương, UBND tỉnh phê duyệt danh mục các mô hình được hỗ trợ cụ thể cho từng địa bàn thuộc Chương trình 135.

## **2.3. Tiểu Dự án 3: Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; thôn bản đặc biệt khó khăn.**

Cơ quan chủ Chương trình căn cứ nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020,



yêu cầu nhiệm vụ năm 2017 để xây dựng hoạt động nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở trên địa bàn của cấp tỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt.

**3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a, Chương trình 135**

*a) Phạm vi hỗ trợ*

Các xã không thuộc Chương trình 30a và Chương trình 135.

*b) Đối tượng hỗ trợ*

+ Người lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

+ Nhóm hộ, cộng đồng dân cư.

+ Tổ chức và cá nhân có liên quan.

+ Tạo điều kiện để người lao động là đối tượng sau cai nghiện ma túy, đối tượng nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ bị mua bán trở về... thuộc hộ nghèo được tham gia dự án.

*c) Tiêu chí và định mức phân bổ*

Gồm 02 nội dung:

**\* Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế**

Tiêu chí	Điểm
<b>1. Tỷ lệ hộ nghèo</b>	
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo dưới 30%:	0,50
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 30% đến dưới 50%:	0,55
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 50% trở lên:	0,60
<b>2. Quy mô hộ nghèo</b>	
- Huyện có quy mô hộ nghèo dưới 4.000 hộ:	0,50
- Huyện có quy mô hộ nghèo từ 4.000 hộ đến dưới 6.000 hộ:	0,60
- Huyện có quy mô hộ nghèo từ 6.000 hộ trở lên:	0,70
<b>3. Tiêu chí về đơn vị hành chính</b>	
Một xã tính:	0,10

*Xác định vốn:*

Tổng vốn bố trí cho 01 huyện = A x X.

Trong đó:

+ A: Định mức bình quân cho 01 huyện (Bằng tổng kinh phí dự án trừ kinh phí cho nội dung nhân rộng mô hình giảm nghèo).

+ X: Tổng các hệ số theo 03 tiêu chí (tỷ lệ hộ nghèo + quy mô hộ nghèo + đơn vị hành chính).

**\* Nhân rộng mô hình giảm nghèo**

Căn cứ nguồn kinh phí Trung ương phân bổ hàng năm, căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của địa phương, UBND tỉnh phê duyệt

danh mục các mô hình được hỗ trợ cụ thể cho các xã nằm ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135.

**4. Dự án 4: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin**

**a) Phạm vi hỗ trợ:**

Hỗ trợ trên phạm vi toàn tỉnh. Ưu tiên các vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc miền núi.

**b) Đối tượng hỗ trợ:**

- + Các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông,
- + Cán bộ, người dân, cộng đồng dân cư và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

**c) Tiêu chí và định mức phân bổ:**

- Cấp tỉnh: Phân bổ 70% tổng kinh phí để thực hiện nhiệm vụ, hoạt động của dự án năm 2017 của cấp tỉnh. Cơ quan chủ trì dự án và các cơ quan liên quan xây dựng cụ thể nội dung, nhiệm vụ cần thực hiện của cấp tỉnh trong Chương trình năm 2017 trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Cấp huyện: Phân bổ 30% tổng kinh phí được phân bổ theo tiêu chí sau:

Tiêu chí	Điểm
<b>1. Tỷ lệ hộ nghèo</b>	
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo dưới 10%:	0,50
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 10% đến dưới 25%:	0,55
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 25% trở lên:	0,60
<b>2. Quy mô hộ nghèo</b>	
- Huyện có quy mô hộ nghèo dưới 4.000 hộ:	0,50
- Huyện có quy mô hộ nghèo từ 4.000 hộ đến dưới 6.000 hộ:	0,60
- Huyện có quy mô hộ nghèo từ 6.000 hộ trở lên:	0,70
<b>3. Tiêu chí về đơn vị hành chính</b>	
Một xã tính:	0,10

- *Xác định vốn:*

Tổng vốn bố trí cho 01 huyện = A x X.

Trong đó:

A: Định mức bình quân cho 01 huyện. (Kinh phí được phân bổ cho cấp huyện/tổng hệ số).

X: Tổng các hệ số theo 03 tiêu chí (tỷ lệ hộ nghèo + quy mô hộ nghèo + số xã hành chính).

**5. Dự án 5: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện chương trình.**

**a) Phạm vi hỗ trợ:**

Hỗ trợ trên phạm vi toàn tỉnh. Ưu tiên vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc miền núi.

**b) Đối tượng hỗ trợ:**

+ Cơ quan chủ trì Chương trình, các cơ quan chủ trì các dự án thành phần, chủ trì nội dung trong các dự án thành phần các cấp và cán bộ được phân công phụ trách và tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá.

+ Cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, ưu tiên nâng cao năng lực cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số.

*c) Tiêu chí và định mức phân bổ*

\* Đối với cấp tỉnh: Phân bổ 70% tổng kinh phí của Dự án.

Cơ quan chủ trì dự án và các cơ quan liên quan xây dựng cụ thể nội dung, nhiệm vụ tập huấn nâng cao năng lực và giám sát đánh giá thực hiện Chương trình năm 2017 trình UBND tỉnh phê duyệt.

\* Đối với cấp huyện: Phân bổ 30% tổng kinh phí của Dự án.

- Tiêu chí

Tiêu chí	Điểm
<b>1. Tỷ lệ hộ nghèo</b>	
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo dưới 10%:	0,50
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 10% đến dưới 25%:	0,55
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 25% trở lên:	0,60
<b>2. Quy mô hộ nghèo</b>	
- Huyện có quy mô hộ nghèo dưới 4.000 hộ:	0,50
- Huyện có quy mô hộ nghèo từ 4.000 hộ đến dưới 6.000 hộ:	0,60
- Huyện có quy mô hộ nghèo từ 6.000 hộ trở lên:	0,70
<b>3. Tiêu chí về đơn vị hành chính</b>	
Một xã tính:	0,10

- Xác định vốn:

$$\text{Tổng vốn bố trí cho 01 huyện} = A \times X.$$

Trong đó:

+ A: Định mức bình quân cho 01 huyện.

+ X: Tổng các hệ số theo 03 tiêu chí (tỷ lệ hộ nghèo + quy mô hộ nghèo + tiêu chí đơn vị hành chính).

**6. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương**

Ngoài nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách trung ương, căn cứ vào tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách, UBND tỉnh đảm bảo bố trí vốn từ ngân sách địa phương mức độ tối thiểu bằng 10% tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững để thực hiện Chương trình.

**IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

- Trên cơ sở Quy định tiêu chí, định mức phân bổ này và hướng dẫn của Trung ương, hàng năm UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành liên quan lập kế hoạch phân bổ vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo từ nguồn vốn đầu tư và vốn sự nghiệp trung hạn và hàng năm của Trung ương phân cho tỉnh giai đoạn 2016 – 2020, để giao cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố thực hiện. Việc phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển phải được lồng

ghép nguồn lực để thực hiện các Chương trình, Đề án, Nghị quyết do Tỉnh ủy, HĐND tỉnh ban hành nếu có cùng nội dung, nhiệm vụ và mục tiêu tương ứng.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, giám sát, kiểm tra và tổ chức đánh giá hiệu quả đầu tư của Chương trình báo cáo Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và Trung ương theo quy định.

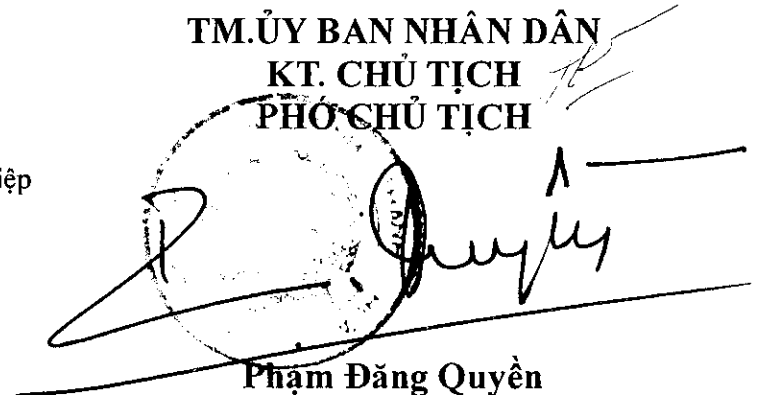
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện thị xã, thành phố chịu trách nhiệm tổ chức triển khai đạt hiệu quả và phải chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tính chính xác các thông tin, số liệu và mức vốn phân bổ cho các dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 theo nhiệm vụ được phân công.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Lao động-TBXH, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Dân tộc;
- Chánh VP, PCVP Phạm Đình Minh;
- Lưu: VT, VX.BTXH65

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phạm Đăng Quyền**